

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HS-ST
Ngày: 29-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Thủy

Bà Dương Thị Được

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Nam Thành – Kiểm sát viên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Minh Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2025/TLST-HS ngày 29/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HS ngày 15/9/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1992 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); HKTT và nơi ở: Ấp H, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961 và bà Trần Thị P, sinh năm 1966; Bị cáo có chồng là Nguyễn Huy C, sinh năm 1988 và 05 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H (có mặt).

2. Huỳnh Thế C1, sinh năm 1995 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); HKTT và nơi ở: Ấp H, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 10/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 15/2015/HSST. Chấp hành án xong ngày 01/12/2016.

+ Ngày 22/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 31/QĐ-TA. Chấp hành xong ngày 25/02/2020.

+ Ngày 30/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 62/2021/HSST. Chấp hành án xong ngày 24/11/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực L (có mặt).

3. Phan Văn T1, sinh năm 2001 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); HKTT và nơi ở: Ấp H, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1978; Bị cáo có vợ là Lê Thị H, sinh năm 2000 và 01 người con sinh năm 2025.

Tiền án: Ngày 03/06/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội “Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo Bản án số 36/2022/HSST. Chấp hành án xong ngày 18/01/2024.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực L (có mặt).

4. Võ Quốc K, sinh năm 1996 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); HKTT và nơi ở: Thôn A, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Hoài N (đã chết) và bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực L (có mặt).

5. Nguyễn Văn S1, sinh năm 1999 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); HKTT và nơi ở: Ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980; Bị cáo có vợ là Võ Thị L1, sinh năm 2004 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2021, con nhỏ nhất sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực L (có mặt).

6. Trần Thị P, sinh năm 1966 tại tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng); HKTT và nơi ở: Ấp H, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần C2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2 (đã chết); Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn D, sinh năm 1961 và 06 người con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H (có mặt).

7. Huỳnh Tấn N1, sinh ngày 25/01/2007 tại tỉnh Cần Thơ; HKTT và nơi ở: Tổ C, Ấp D, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Tấn K1, sinh năm 1976 và bà Ngô Thị B1, sinh năm 1985; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực L (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Lê T4:** Bà Nguyễn Thị Hoàng O – Luật sư thuộc Công ty L4 – Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: E L, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Quốc C3, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ B, ấp C, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Bà Đặng Thị Hồng N2, sinh năm 2007. Địa chỉ: Ấp P, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ ngày 15/3/2025, Phan Văn T1 liên lạc qua Facebook với Võ Quốc K để đặt mua ma túy đá. Lúc này, Nguyễn Văn S1 đang mượn điện thoại của K để chơi game nên S1 trả lời và nói T1 liên lạc qua

Facebook “Nguyễn Sang” do K đang cầm điện thoại của S1 để chơi game. Tiền liên lạc với K và hỏi mua ma túy đá với số tiền 400.000 đồng. K đồng ý nhưng lúc này K không có tiền mặt để đi lấy ma túy nên yêu cầu T1 chuyển khoản cho K trước. Sau đó, K hỏi mượn tài khoản ví điện tử MOMO của Nguyễn Văn S1 để nhận tiền và hứa hẹn sau khi mua được ma túy sẽ cho S1 sử dụng chung. Nghe vậy nên S1 đồng ý cho K mượn tài khoản. Sau khi nhận được tiền, K liên lạc với Trần Thị P qua số điện thoại 0363819655 để đặt mua 02 gói ma túy với số tiền 400.000 đồng. Sau khi nhận được ma túy từ P, K mang về nhà và lấy một gói ma túy ra sử dụng một mình. Gói ma túy còn lại K hẹn T1 đến đài liệt sĩ thuộc xã P để lấy ma túy nhưng do T1 không có xe nên T1 nhờ K mang tới nhà T1. Đồng thời T1 xin K 01 cái nỏ thủy tinh để sử dụng ma túy, K đồng ý. Lúc này, K nhờ Huỳnh Tấn N1 đi đến nhà T1 để giao ma túy và nói sẽ được T1 cho sử dụng ma túy chung. Mặc dù biết là ma túy nhưng vì được hưởng lợi ích từ việc sử dụng ma túy nên N1 đồng ý rồi cầm gói ma túy và nỏ thủy tinh đi bộ đến nhà giao cho T1 tại ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ). Sau khi nhận được gói ma túy, T1 lấy ra một ít rồi dùng nỏ thủy tinh cắm vào chai nhựa, đồng thời xúc một ít ma túy đổ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy và cùng với N1 sử dụng. Số ma túy còn lại Phan Văn T1 cất giấu trong kho sửa xe nhằm mục đích sẽ bán lại cho người khác để kiếm lời. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Đặng Thị Hồng N2 đến nhà T1 và hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá. Trong lúc T1 đang chuẩn bị giao ma túy cho N2 thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Mở rộng điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) xác định được trước đó Võ Quốc K đã 03 lần mua ma túy của Trần Thị P với số tiền 300.000 đồng/lần để sử dụng và bán lại kiếm lời. P khai nhận ma túy là của con gái P tên Nguyễn Thị Lệ T cung cấp. Mỗi ngày, T đưa cho P từ 02 gói hai đến 03 gói ma túy đá, thỏa thuận giá bán gói ma túy nhỏ là 200.000 đồng, còn gói lớn giá 300.000 đồng. T trả công cho P với số tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng mỗi ngày tùy số lượng ma túy bán được.

2. Vụ thứ hai: Khoảng 22 giờ ngày 15/3/2025, Nguyễn Thị Lệ T và Huỳnh Thế C1 (sống chung như vợ chồng tại khu phố H, thị trấn P) bàn bạc với nhau sẽ mua 3.000.000 đồng ma túy đá về để bán lại kiếm lời. T đã liên hệ với một người đàn ông tên T5 (chưa rõ lai lịch) để đặt mua ma túy đá. T5 đồng ý và hẹn giao dịch ma túy tại đoạn đường gần nhà nghỉ P1 thuộc thị trấn P, huyện L (cũ). Sau đó, C1 điều khiển xe mô tô chở T đi đến điểm hẹn để nhận ma túy. T đưa cho T5 3.000.000 đồng tiền mặt, T5 giao cho T 01 gói ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, T và C1 đem về nhà tại khu phố H, thị trấn P và cất giấu.

Đến khoảng 12 giờ ngày 16/3/2025, khi T và Thế C1 đang ở nhà thì Nguyễn Quốc C3 đến gặp T để hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá. T đồng ý bán nhưng nói với Quốc C3 ngồi chờ T tắm xong sẽ giao ma túy. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy phối hợp Công an xã P đến kiểm tra nhà của T. Khi thấy lực lượng Công an đến, Huỳnh Thế C1 lấy gói ma túy trên bàn ném vào bồn cầu nhưng đã bị phát hiện, ngăn chặn.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Lệ T khai nhận bắt đầu bán ma túy đá từ tháng 9/2024 và đã bán ma túy cho nhiều người (không rõ họ tên). Trong đó, T chỉ quen biết Nguyễn Quốc C3 và đã bán ma túy cho Quốc C3 02 lần.

Lần thứ nhất: T bán cho Quốc C3 một gói ma túy đá với số tiền 200.000 đồng vào ngày 15/02/2025 tại nhà của T.

Lần thứ hai: Vào khoảng 12 giờ ngày 16/3/2025, trong lúc chờ T giao ma túy thì cả 02 bị bắt quả tang. Đối với Huỳnh Thế C1 thường sử dụng xe máy chở T đi mua ma túy về bán lại kiếm lời phụ giúp T trong việc đi bán ma túy cho các con nghiện.

3. Vụ thứ ba: Vào lúc 10 giờ 40 phút ngày 22/03/2025, Phòng Phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội Biên phòng tỉnh B (cũ) phối hợp Đ1 và Công an thị trấn P bắt quả tang Nguyễn Thị Lệ T có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời điểm bắt quả tang, Tổ công tác phát hiện thu giữ trong túi quần bên phải phía trước của T có 01 (một) cái ví (bóp) sọc ca rô, bên trong có chứa 23 (hai mươi ba) gói nylon màu trắng được hàn kín, bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt và 03 (ba) đoạn ống hút được hàn kín, bên trong có chất kết tinh không màu trong suốt, T khai nhận là ma túy đá.

Nguyễn Thị Lệ T khai nhận sau khi bị bắt quả tang về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” vào ngày 16/3/2025 nhưng được tại ngoại do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. T trở về nhà lấy số ma túy đã mua trước đó đang được để trong cái ví (bóp) sọc ca rô, cất phía sau cánh cửa lùa trong phòng ngủ để mang đi giấu nơi khác. Số ma túy này, T đã mua vào ngày 12/3/2025 của người đàn ông tên L3 (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 6.000.000 đồng nhằm mục đích chia nhỏ bán kiếm lời. Huỳnh Thế C1 không biết gì về gói ma túy này.

*** Kết quả trưng cầu giám định**

- Bản Kết luận giám định số 218/KL-KTHS-MT ngày 21/03/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H), kết luận: Mẫu A có khối lượng 0,1335 gam, là ma túy, loại Methamphetamine (vật chứng thu giữ trong vụ thứ nhất)

- Bản Kết luận giám định số: 219/KL-KTHS-MT ngày 21/03/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) kết luận: Mẫu A có khối lượng 14,6672 gam, là ma túy, loại Methamphetamine (vật chứng thu giữ trong vụ thứ 2)

- Bản Kết luận giám định số 231/KL-KTHS-MT Ngày 27/3/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) kết luận:

- + Mẫu A1 có khối lượng 23,6702 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.
- + Mẫu A2 có khối lượng 0,4982 gam, là ma túy, loại Methamphetamine. (vật chứng thu giữ trong vụ thứ ba)

*** Vật chứng và xử lý vật chứng:**

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được các tài liệu, đồ vật, vật chứng như sau:

+ 03 phong bì sau giám định vụ số: 218, 219, 231 có dấu niêm phong của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Công an thành phố H) bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (bằng chai nhựa, đầu chai có gắn phễu thủy tinh, thu giữ của Phan Văn T1).

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu tím, đã qua sử dụng (thu giữ của Phan Văn T1);

+ 01 điện thoại di động OPPO, màu đen (thu giữ của Võ Quốc K);

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (thu giữ của Võ Quốc K);

+ 01 gói nylon dùng để chứa ma túy đá, đã sử dụng hết, rỗng ruột (thu giữ của Võ Quốc K);

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, Redmi Note 12, màu xanh (thu giữ của Nguyễn Văn S1);

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ (gắn sim 0363819655, thu giữ của Trần Thị P).

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy (gồm 01 nỏ thủy tinh bị bể, 01 ống hút, chai nhựa có nắp được đục 02 lỗ tròn);

+ 01 hộp quẹt khê;

+ 01 cái kéo bằng kim loại;

+ 01 gói nylon có viên màu đỏ không chứa gì bên trong;

+ 05 miếng nylon;

+ 01 điện thoại di động hiệu Realme, số EMEI: 8678 3806 1104 803, số sim 0962 040 747, seri sim: 8984 0480 0092 0355 295.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số EMEI: 3561 7209 6033 722, số sim 0937 312 440, seri sim: 8401 2209 5029 7264 OT.

+ Tiền mặt: 900.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI: Số IMEI: 860986044102621. 860986044136637, số sim: 0987856904.

Tại Cáo trạng số 653/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 26/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lệ T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Huỳnh Thế C1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trần Thị P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Võ Quốc K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn S1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Phan Văn T1, Huỳnh Tấn N1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo Cáo trạng. Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lệ T, Huỳnh Thế C1, Trần Thị P và Nguyễn Văn S1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tuyên bố bị cáo Võ Quốc K, Phan Văn T1, Huỳnh Tấn N1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ T mức án từ 16 năm tù đến 17 năm tù. Phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng.

+ Áp dụng điểm b, i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thế C1 mức án từ 09 năm tù đến 10 năm tù. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng.

+ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị P mức án từ 08 năm tù đến 09 năm tù. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng.

+ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Quốc K mức án từ 08 năm tù đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng và 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội là từ 11 năm tù đến 13 năm tù, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn T1 mức án từ 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng và 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình

phạt chung cho hai tội là từ 06 năm tù đến 08 năm tù, phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn N1 mức án từ 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng và 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội là từ 06 năm tù đến 08 năm tù, phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S1 mức án từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 phong bì sau giám định vụ số: 218, 219, 231 có dấu niêm phong của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Công an thành phố H) bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (bằng chai nhựa, đầu chai có gắn phễu thủy tinh, thu giữ của Phan Văn T1); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (thu giữ của Võ Quốc K); 01 gói nylon dùng để chứa ma túy đá, đã sử dụng hết, rỗng ruột (thu giữ của Võ Quốc K); 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy (gồm 01 nỏ thủy tinh bị bể, 01 ống hút, chai nhựa có nắp được đục 02 lỗ tròn); 01 hộp quẹt khê; 01 cái kéo bằng kim loại; 01 gói nylon có viên màu đỏ không chứa gì bên trong; 05 miếng nylon;

+ Tịch thu sung công quỹ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu tím, đã qua sử dụng (thu giữ của Phan Văn T1); 01 điện thoại di động OPPO, màu đen (thu giữ của Võ Quốc K); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, Redmi Note 12, màu xanh (thu giữ của Nguyễn Văn S1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ (gắn sim 0363819655, thu giữ của Trần Thị P); 01 điện thoại di động hiệu Realme, số EMEI: 8678 3806 1104 803, số sim 0962 040 747, seri sim: 8984 0480 0092 0355 295; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số EMEI: 3561 7209 6033 722, số sim 0937 312 440, seri sim: 8401 2209 5029 7264 OT; 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI: Số IMEI: 860986044102621. 860986044136637, số sim: 0987856904; số tiền mặt: 900.000 đồng.

- Về án phí HSST: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát và không tham gia tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Lệ T là luật sư Nguyễn Thị Hoàng O phát biểu ý kiến: Đồng ý với Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã truy tố đối với bị cáo T. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, một mình nuôi 05 người con, trình độ văn hóa thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đối đáp với luật sư như sau: Không đồng ý việc luật sư đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo T vì khi bị cơ quan công an bắt quả tang vào ngày 16/3/2025 thì do đang nuôi con nhỏ nên bị cáo được tại ngoại nhưng trong thời gian này bị cáo lại tiếp tục có hành vi mang số ma túy đã cất giấu ở nhà đi cất giấu ở nơi khác nhằm mục đích để mua bán. Số ma túy này bị cáo mua và tàng trữ ở nhà từ ngày 12/3/2025 nhưng khi bị công an bắt quả tang vào ngày 16/3/2025 thì bị cáo không tự nguyện giao nộp mà vẫn cố tình giữ lại để tiếp tục thực hiện hành vi mua bán trái phép. Do đó không có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Thị Hoàng O không có ý kiến tranh luận đối đáp với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo T đồng ý với ý kiến của luật sư và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Đất (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh), Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc C3, bà Đặng Thị Hồng N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai trong quá trình điều tra và cũng không có yêu cầu gì nên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi và tranh luận các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp

với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Để có tiền tiêu xài hàng ngày, Nguyễn Thị Lệ T đã nhiều lần mua ma túy của người đàn ông tên L3 và T5 (chưa rõ lai lịch) rồi phân chia thành nhiều gói nhỏ để bán lại cho người khác để kiếm lời. Giúp sức cho T trong việc mua ma túy là Huỳnh Thế C1 và Trần Thị P, cụ thể: C1 là người chở T đi nhận ma túy vào ngày 16/3/2025, sau đó cả 02 bị bắt quả tang, thu giữ ma túy có khối lượng **14,6672 gam**, loại Methamphetamine; ngoài ra C1 còn giúp T đi bán ma túy cho nhiều người khác để được T chi trả chi phí sinh hoạt. P là người nhiều lần nhận ma túy từ T và trực tiếp bán lẻ ma túy cho các con nghiện, trong đó đã xác định được có 04 lần bán ma túy cho Võ Quốc K. Ngoài ra, vào ngày 22/3/2025, Nguyễn Thị Lệ T bị phát hiện đang cất giấu **24,1684 gam** ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích bán lại cho người khác để kiếm lời. Như vậy, tổng khối lượng ma túy mà Nguyễn Thị Lệ T tàng trữ nhằm mục đích mua bán là **38,9691 gam**, loại Methamphetamine.

Đối với Võ Quốc K: Để có tiền tiêu xài và có ma túy sử dụng, K đã 04 lần mua ma túy từ Trần Thị P vừa để sử dụng, vừa để bán lại cho Phan Văn T1 để kiếm lời. Ngoài ra, K còn có hành vi cung cấp nỏ thủy tinh cho Huỳnh Tấn N1 và Phan Văn T1 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 15/3/2025.

Đối với Phan Văn T1: Vào ngày 15/03/2025, T1 đặt mua của K 01 gói ma túy đá với giá 400.000 đồng. Sau đó, T1 cùng với Huỳnh Tấn N1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà kho của mình. Số ma túy còn lại, trong lúc T1 chuẩn bị bán lại cho Đặng Thị Hồng N2 với giá 300.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ **0,1335 gam**, là ma túy, loại Methamphetamine.

Đối với Huỳnh Tấn N1: Khi Võ Quốc K nhờ đi giao ma túy cho T1 thì N1 đồng ý do nhận thức được rằng sẽ được T1 cho sử dụng ma túy chung. Khi đi, N1 mang theo 01 nỏ thủy tinh của K cho T1, sau đó đã cùng T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Văn S1: Biết rõ K mượn ví điện tử MOMO của mình để nhận tiền bán ma túy nhưng vẫn đồng ý nhằm mục đích được K cho ở chung phòng trọ không lấy tiền và cho sử dụng ma túy.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị Lệ T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Huỳnh Thế C1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Thị P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Võ Quốc K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn S1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Phan Văn T1, bị cáo Huỳnh Tấn N1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma

túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Đây là vụ án đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn, không có sự cấu kết, bàn bạc chặt chẽ.

Xét hành vi của từng bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Lệ T: Tất cả số lượng ma túy 38,9691 gam, loại Methamphetamine trong 03 vụ án nêu trên đều có nguồn gốc do bị cáo T mua lại từ các đối tượng khác rồi về tự phân chia thành nhiều gói nhỏ sau đó cất giấu nhằm mục đích bán lại kiếm lời. Bị cáo T khai nhận đã bán ma túy cho rất nhiều người trong khoảng thời gian từ tháng 9/2024 đến nay. Bị cáo còn có hành vi lôi kéo mẹ của mình và bị cáo Huỳnh Thế C1 tham gia phụ giúp mình trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Từ hành vi của bị cáo mới dẫn đến các hành vi mua bán trái phép chất ma túy tiếp theo. Do đó, bị cáo phải chịu hình phạt cao nhất với vai trò là người cầm đầu.

Đối với bị cáo Huỳnh Thế C1: Bị cáo C1 là người chung sống như vợ chồng bị cáo T, lẽ ra khi thấy bị cáo T đi vào con đường sai trái thì bị cáo phải là người đầu tiên ngăn cản. Thế nhưng bị cáo không những không ngăn cản mà còn giúp sức tích cực cho bị cáo T để thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể bị cáo là người nhiều lần chở bị cáo T đi mua ma túy và bán ma túy phụ cho bị cáo T để được bị cáo T cho tiền tiêu xài. Bị cáo cũng chính là người có hành vi cùng bị cáo T tàng trữ 14,6672 gam, loại Methamphetamine để bán cho đối tượng Nguyễn Quốc C3. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức và phải chịu mức án cao thứ hai sau bị cáo T.

Đối với bị cáo Trần Thị P: Bị cáo P là mẹ của bị cáo T, hàng ngày bị cáo P được bị cáo T giao các gói ma túy nhỏ để trực tiếp đi bán. Chính bị cáo là người trao đổi mua bán với các con nghiện, sau khi bán được ma túy thì bị cáo mang tiền về cho bị cáo T và được bị cáo T trả tiền công tùy vào số lượng ma túy bán được. Bị cáo xác định đã bán ma túy rất nhiều lần cho nhiều đối tượng khác nhau, trong đó có 04 lần bán cho bị cáo Võ Quốc K. Khi được bị cáo T đưa các gói nhỏ này thì bị cáo biết rõ đó là ma túy nhưng vẫn đồng ý đi bán cho bị cáo T để được T trả tiền công. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi đồng phạm với vai trò giúp sức và phải chịu mức án cao thứ ba sau bị cáo T và bị cáo C3.

Đối với bị cáo Võ Quốc K: Bị cáo K là đối tượng nghiện ma túy nên bị cáo đã nhiều lần mua ma túy từ bị cáo P với mục đích vừa để sử dụng, vừa bán kiếm tiền lời. Trong vụ án này, bị cáo thừa nhận đã 04 lần bán ma túy cho bị cáo Phan Văn T1. Ngoài ra bị cáo còn có hành vi cung cấp nỗ lực tinh cho bị cáo Huỳnh Tấn N1 và bị cáo Phan Văn T1 để các bị cáo này tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 04 lần bán trái phép

chất ma túy và 01 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là với vai trò đồng phạm giúp sức (chuẩn bị công cụ, phương tiện) cho bị cáo T1 và bị cáo N1. Vì vậy, bị cáo sẽ phải chịu mức án bằng với bị cáo P về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng sẽ chịu mức án thấp hơn bị cáo T1 về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Phan Văn T1: Bị cáo T1 cũng là đối tượng nghiện ma túy và đã 04 lần mua ma túy của bị cáo K với mục đích vừa để sử dụng, vừa để bán lại kiếm tiền lời. Bị cáo xác định số ma túy đã mua bị cáo đã sử dụng một ít, còn lại bị cáo tàng trữ để bán kiếm lời nhưng chỉ mới bán được 01 lần cho Đặng Thị Hồng N2 thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, bị cáo T1 còn có hành vi chuẩn bị dụng cụ (chai nhựa, ma túy), địa điểm để cùng với bị cáo Huỳnh Tấn N1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà kho của mình. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi 01 lần bán trái phép chất ma túy và với vai trò chủ mưu tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Mức án của bị cáo về hành vi mua bán trái phép chất ma túy sẽ thấp hơn các bị cáo T, C3, P, K nhưng đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo sẽ phải chịu mức án cao hơn bị cáo K và bị cáo N1.

Đối với bị cáo Huỳnh Tấn N1: Bị cáo là người được bị cáo K nhờ đi giao ma túy cho bị cáo T1, khi đi bị cáo biết rõ đó là ma túy nhưng vẫn đồng ý thực hiện để nhằm mục đích được sử dụng chung ma túy với bị cáo T1. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chung với bị cáo K với vai trò đồng phạm giúp sức về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngoài ra bị cáo còn có hành vi mang theo 01 nổ thủy tinh của bị cáo K đến cho bị cáo T1 để cùng bị cáo T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên bị cáo N1 sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm với bị cáo T1 về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, bị cáo N1 sẽ chịu mức án tương đương với mức án của bị cáo T1 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và thấp hơn bị cáo T1 nhưng cao hơn bị cáo K về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S1: Bị cáo biết rõ việc bị cáo K mượn ví điện tử MOMO của mình để nhận tiền bán ma túy nhưng bị cáo vẫn đồng ý cho bị cáo K2 mượn với mục đích để được bị cáo K cho ở chung phòng trọ không lấy tiền và hứa hẹn cho sử dụng ma túy chung. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm về vai trò đồng phạm giúp sức với bị cáo K trong hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên hành vi của bị cáo S1 là ít nghiêm trọng nhất nên bị cáo sẽ chịu mức án thấp hơn so với các bị cáo còn lại.

Xét thấy, các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo cũng là đối tượng nghiện ma túy nên nhận thức rõ tác hại của ma túy đối với bản thân, gia đình và xã hội. Biết nhà nước nghiêm cấm tất cả các hành vi mua bán, sản xuất, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Thế nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu cá nhân và muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật để tàng trữ một khối lượng lớn chất ma túy nhằm mục đích bán lại cho nhiều con nghiện khác để kiếm tiền lời. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm

phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về chất cấm, góp phần gây nên cái chết trắng cho xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng phải xem xét tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Về việc luật sư Nguyễn Thị Hoàng O đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T thì thấy: Bị cáo T phạm tội lần đầu nhưng không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo bị truy tố ở khoản 3 Điều 251 là trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Sau khi bị bắt quả tang ở lần thứ nhất bị cáo không thành khẩn khai báo, không giao nộp số ma túy còn cất giấu mà sau đó lại lợi dụng việc được tại ngoại để tiếp tục mang số ma túy này đi cất giấu ở nơi khác nhằm mục đích để tiếp tục mua bán. Việc bị cáo phải nuôi con nhỏ và có hoàn cảnh khó khăn không phải là tình tiết để được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc và không có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Huỳnh Thế C1 và bị cáo Phan Văn T1 có nhân thân xấu. Các bị cáo còn lại có nhân thân tốt.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Lệ T đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều đối tượng khác nhau nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Văn T1 có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy các bị cáo đều có việc làm nên cần áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên do các bị cáo chỉ là lao động tự do, thu nhập không cao nên chỉ buộc các bị cáo phải nộp bổ sung số tiền ở mức phù hợp. Cụ thể:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ T phải nộp bổ sung số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc các bị cáo Huỳnh Thế C1, Trần Thị P, Võ Quốc K mỗi người phải nộp bổ sung số tiền 7.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Phan Văn T1, Huỳnh Tấn N1 mỗi người phải nộp bổ sung số tiền 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ 03 phong bì sau giám định vụ số: 218, 219, 231 có dấu niêm phong của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Công an thành phố H) bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định. Đây là chất cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (bằng chai nhựa, đầu chai có gắn phễu thủy tinh, thu giữ của Phan Văn T1); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (thu giữ của Võ Quốc K); 01 gói nylon dùng để chứa ma túy đá, đã sử dụng hết, rỗng ruột (thu giữ của Võ Quốc K); 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy (gồm 01 nỏ thủy tinh bị bể, 01 ống hút, chai nhựa có nắp đậy đậy 02 lỗ tròn); 01 hộp quẹt khê; 01 cái kéo bằng kim loại; 01 gói nylon có viền màu đỏ không chứa gì bên trong; 05 miếng nylon. Đây là những đồ vật thu giữ của các bị cáo và được các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu tím, đã qua sử dụng (thu giữ của Phan Văn T1); 01 điện thoại di động OPPO, màu đen (thu giữ của Võ Quốc K); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, Redmi Note 12, màu xanh (thu giữ của Nguyễn Văn S1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ (gắn sim 0363819655, thu giữ của Trần Thị P); 01 điện thoại di động hiệu Realme, số EMEI: 8678 3806 1104 803, số sim 0962 040 747, seri sim: 8984 0480 0092 0355 295; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số EMEI: 3561 7209 6033 722, số sim 0937 312 440, seri sim: 8401 2209 5029 7264 OT; 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI: Số IMEI: 860986044102621. 860986044136637, số sim: 0987856904. Đây là tài sản thu giữ của các bị cáo và được các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Số tiền mặt 900.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Lệ T là tiền thu lợi bất chính từ việc bị cáo T mua bán ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên L3 và T5 đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị Lệ T hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên đề nghị Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý theo quy định.

Đối với Đặng Thị Hồng N2 và Nguyễn Quốc C3 có hành vi mua ma túy, mục đích để sử dụng. Tuy nhiên chưa kịp nhận ma túy thì bị bắt quả tang nên Cơ quan CSĐT đã bàn giao cho Công an xã P xử lý theo quy định là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Lệ T, Huỳnh Thế C1, Trần Thị P và Nguyễn Văn S1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Võ Quốc K, Phan Văn T1, Huỳnh Tấn N1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Lệ T 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2025.

Phạt bổ sung số tiền **10.000.000 đồng (mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm b, i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Thế C1 10 (mười) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2025.

Phạt bổ sung số tiền **7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị P 08 (tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2025.

Phạt bổ sung số tiền **7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Quốc K 08 (tám) năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là **10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2025.

Phạt bổ sung số tiền **7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn T1 04 (bốn) năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2025.

Phạt bổ sung số tiền **5.000.000 đồng (năm triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Tấn N1 03 (ba) năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và **03 (ba) năm tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là **06 (sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2025.

Phạt bổ sung số tiền **5.000.000 đồng (năm triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn S1 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 phong bì sau giám định vụ số: 218, 219, 231 có dấu niêm phong của Phòng K3 Công an tỉnh B (nay là Công an thành phố H) bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (băng chai nhựa, đầu chai có gắn phễu thủy tinh, thu giữ của Phan Văn T1); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (thu giữ của Võ Quốc K); 01 gói nylon dùng để chứa ma túy đá, đã sử dụng hết, rỗng ruột (thu giữ của Võ Quốc K); 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy (gồm 01 nỏ thủy tinh bị bể, 01 ống hút, chai nhựa có nắp đậy được đục 02 lỗ tròn); 01 hộp quẹt khê; 01 cái kéo bằng kim loại; 01 gói nylon có viên màu đỏ không chứa gì bên trong; 05 miếng nylon.

+ Tịch thu sung công quỹ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu tím, đã qua sử dụng (thu giữ của Phan Văn T1); 01 điện thoại di động OPPO, màu đen (thu giữ của Võ Quốc K); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, Redmi Note 12, màu xanh (thu giữ của Nguyễn Văn S1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ (gắn sim 0363819655, thu giữ của Trần Thị P); 01 điện thoại di động hiệu Realme, số EMEI: 8678 3806 1104 803, số sim 0962 040 747, seri sim: 8984 0480 0092 0355 295; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số EMEI: 3561 7209 6033 722, số sim 0937 312 440, seri sim: 8401 2209 5029 7264 OT; 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI: Số IMEI: 860986044102621. 860986044136637, số sim: 0987856904; số tiền mặt 900.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Lê T.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 647/BB-THADS ngày 03/9/2025 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền mặt ngày 03/9/2025; Phiếu hạch toán nộp tiền mặt số 6600 ngày 03/9/2025).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Lệ T, Huỳnh Thế C1, Trần Thị P, Võ Quốc K, Phan Văn T1, Huỳnh Tấn N1, Nguyễn Văn S1 phải nộp mỗi người 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 13 – TP HCM;
- Công an TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam số 1 – TP HCM;
- Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh;
- Bị cáo; NBC; NLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Ngân